

Bản án số: 1191/2024/HS-PT
Ngày 20 tháng 12 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh;

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Vi Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai (bằng hình thức trực tuyến) vụ án hình sự thụ lý số 914/2024/TLPT-HS ngày 04 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Bùi Văn S và Trần Thị L; Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2024/HS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- **Bị cáo:**

1/. Bùi Văn S, sinh năm 2000 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bon Phi G'le, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Q (sinh năm 1972), mẹ là bà Nguyễn Thị P (sinh năm 1972); bị cáo chưa có vợ con; tiền án: 01 tiền án theo Bản án số 115/2022/HSST ngày 05/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 09 tháng tù về tội “đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng tù (bị cáo chưa được xóa án tích), tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/6/2023; tạm giam; có mặt.

2/. Trần Thị L, sinh năm 1987 tại tỉnh Hà Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bon R, thôn A, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; chỗ ở hiện nay: Thôn R, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đức C, (sinh năm 1960) và bà Trần Thị G (sinh năm 1960); có chồng là Trần Đình D

(sinh năm 1978) và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2013 nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/6/2023 đến ngày 22/8/2023; tại ngoại; có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo: Luật sư Cao Thị H – Đoàn Luật sư tỉnh Đ. (có mặt)

(Trong vụ án, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan tới kháng cáo nên Tòa án không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 4/2022, Bùi Văn S nhận thấy có nhiều người dân trên địa bàn có nhu cầu muốn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ). Lợi dụng trước nhu cầu thực tế của người dân, S đã thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tiền của người dân trên địa bàn tỉnh Đắk Nông bằng hình thức sử dụng số điện thoại 0985725148 và 0352168384 mở tài khoản Zalo, tự tạo các tin nhắn liên quan đến việc làm GCNQSDĐ gửi qua 02 tài khoản Zalo này để chứng minh với người dân về việc S đang liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để cấp GCNQSDĐ cho người dân, từ đó S yêu cầu người dân chuyển tiền tạm ứng ban đầu, sau đó S thuê Lê Sĩ N là nhân viên Công ty TNHH MTV Đ, có trụ sở tại TDP A, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông do Phạm Thị Bích N1 sinh ngày 22/8/1982 là Giám đốc, thực hiện việc đo đạc diện tích đất, theo sự chỉ dẫn của S để tạo niềm tin cho người dân và đã chiếm đoạt tiền như sau:

1. Hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản do Bùi Văn S thực hiện độc lập - Chiếm đoạt 70.000.000 đồng của vợ chồng bà Trần Thị T (Sinh năm 1977) ông Lê Anh D1 (sinh năm 1986) đăng ký HKTT tại B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông: Ngày 16/4/2022 bà Trần Thị T, ông Lê Anh D1 nhờ S làm thủ tục để cấp GCNQSDĐ đối với 03 thửa đất (không xác định được diện tích) tại B, xã Q, huyện Đ với giá 40.000.000 đồng/thửa, thời hạn là 02 tháng. Ông D1 đã chuyển khoản ngay cho S ứng trước 50.000.000 đồng. Ngày 17/02/2023, S sử dụng số thuê bao 0352.168.384 tạo tài khoản Zalo tên “Anh hà sở T7” nhắn tin với tài khoản Zalo tên “Philip” của S, tự tạo nội dung lô đất của bà T đã làm sổ đỏ còn thiếu tiền, yêu cầu chuyển đủ tiền để nhận GCNQSDĐ và gửi nội dung tin nhắn này cho bà T và yêu cầu bà T chuyển 20.000.000 đồng còn thiếu, bà T đã chuyển tiếp 20.000.000 đồng cho S.

- Chiếm đoạt 77.700.000 đồng của bà Vũ Thị L1 (sinh năm 1992) đăng ký HKTT tại: thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông: Ngày 22/4/2022 bà L1 nhờ S làm GCNQSDĐ đối với diện tích 1.000m² đất tại thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông với giá 30.000.000 đồng, thời hạn làm GCNQSDĐ là 60 ngày kể từ ngày 23/4/2022, S ứng trước 15.000.000 đồng. Cuối tháng 8/2022 S đã ký với Công ty TNHH MTV Đ đo đạc và nhận trích lục thửa đất và gửi hình ảnh trích lục thửa đất qua Zalo cho bà L1 đồng thời yêu cầu bà L1 chuyển thêm 11.000.000 đồng

cho S. Sau đó, S đưa ra thông tin sẽ chuyển diện tích đất từ đất sản xuất nông nghiệp lên đất có thổ cư cho bà L1 với tiền thuê là 400.000 đồng/m² bà L1 đã đồng ý và chuyển tiếp 51.700.000 đồng đến các tài khoản ngân hàng, theo yêu cầu của S, gồm: tài khoản của tài khoản của Nguyễn Phi H1 (sinh năm 2000, đăng ký HKTT tại thôn A, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng), tài khoản của Nguyễn Thị Phương T1 (sinh năm 2000, đăng ký HKTT tại B, xã Q, huyện Đ), tài khoản của Trần Thái D2 (sinh năm 1983, đăng ký HKTT tại thôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk), rồi S nhờ những người này chuyển tiền về tài khoản của S.

- Chiếm đoạt 112.000.000 đồng của ông Lưu V: Tháng 4/2022 ông Lưu Văn K gặp S nhờ làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất từ trồng cây lâu năm sang đất ở tại đô thị, đối với diện tích 120m², trong thửa đất số 614, tờ bản đồ 04 tại tổ dân phố E, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông, trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày 28/5/2022 với số tiền 112.000.000 đồng, ông K đã chuyển đủ 112.000.000 đồng cho S.

- Chiếm đoạt 116.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn T2: Ngày 10/4/2023 ông Nguyễn Văn T2 nhờ S làm thủ tục để cấp GCNQSDĐ đối với 02 thửa đất có diện tích khoảng 3,2 ha và 1,4ha tại thôn G, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng và tách thửa đối với diện tích 430m² của ông T2 đã được cấp GCNQSDĐ tại thôn F, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. S đồng ý và từ ngày 10/4/2023 đến ngày 25/5/2023 S 11 lần yêu cầu ông T2 chuyển khoản cho S 116.000.000 đồng để S làm GCNQSDĐ và tách thửa đất.

- Chiếm đoạt 112.600.000 đồng của Trần Thị L, sinh năm 1987, đăng ký HKTT tại thôn 3a, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông: Trần Thị L được mẹ nuôi là bà H2, sinh năm 1953 đăng ký HKTT tại B N'ting, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cho 10 mét đất mặt đường liên xã trong số diện tích 01 ha của bà H2 ở B N'ting, xã Q. Bà H3 (con gái bà H2) có 60m mặt đường liên xã trong diện tích 0,6ha đất tiếp giáp với 01 ha đất của bà H2, bà H3 cho L 6m mặt đường. Khi S nói có khả năng làm được GCNQSDĐ nên L đã nhờ S làm GCNQSDĐ cho L, bà H2, bà H3 đối với diện tích đất nêu trên. Sau khi L nhờ thì S đã đồng ý và từ ngày 05/5/2022 đến tháng 3/2023, L đã chuyển 09 lần với tổng số tiền 72.600.000 đồng (tiền của L) cho S.

- Tháng 4/2023, bà Đỗ Thị H4 cho tặng Lành 1.000m² đất tại thôn Q, xã Q, huyện Đ. Lành liên hệ S để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ đối với diện tích do bà H4 cho tặng, S đồng ý và yêu cầu L chuyển khoản cho S 40.000.000 đồng chi phí.

Sau khi Trần Thị L nhờ S làm GCNQSDĐ nêu trên, S có nói với L đi tìm những người có nhu cầu làm GCNQSDĐ, nếu được thì S thỏa thuận cho L được báo giá cao hơn 5.000.000 đồng/ha trên tổng số tiền và diện tích đất người dân nhờ S làm GCNQSDĐ. Lành đã tin tưởng và đi tìm người dân có nhu cầu làm GCNQSDĐ để giới thiệu cho S và hưởng chênh lệch về số tiền, như sau:

- Chiếm đoạt 100.400.000 đồng của bà H2 (Sinh năm 1953), ông K1 (Sinh năm 1966), ông K2 (Sinh năm 1992, cùng trú tại: B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông: Tháng 5/2022 sau khi bà H2 cho L 10m đất đường, trong tổng số 01ha còn

lại (khoảng 90 mét mặt đường) tại B N'ting, xã Q. Bà H2 cho ông K1 (em trai bà H'GLăng) 50m đất mặt đường; cho chị H5 (con gái bà H2) 20m đất mặt đường, cho ông K2 (con rể bà H'GLăng) 20m đất mặt đường, đồng thời bà H2 nhờ L giới thiệu với S làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho từng người. Lành liên hệ với nhờ S làm GCNQSDĐ, từ tháng 5/2022 đến ngày 09/6/2022 L đã nhận 60.400.000 đồng của bà H2, nhận 15.000.000 đồng của ông K2, nhận 25.000.000 đồng của ông K1 và chuyển lại toàn bộ 100.400.000 đồng cho S.

- Chiếm đoạt 28.500.000 đồng vợ chồng ông Giàng A D3, sinh năm: 1990 bà Lầu Thị C1, sinh năm 1989, trú tại: thôn G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông: Tháng 5/2022 L giới thiệu vợ chồng ông Giàng A D3, bà Lầu Thị C1 với S làm thủ tục cấp 01 GCNQSDĐ đối với diện tích đất khoảng 0.9ha, tại B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Ngày 05/5/2022, L, S đi cùng Lê Sỹ N2 đo đạc diện tích đất của vợ chồng ông D3, bà C1. Đo đạc xong, bà C1 đưa ứng trước cho L 5.000.000 đồng và L đưa lại cho S. Ngày 17/6/2022 L yêu cầu ông D3 chuyển 17.000.000 đồng vào tài khoản của L và L đã chuyển 15.000.000 đồng vào tài khoản của S. Ngày 01/12/2022, S trực tiếp liên hệ với ông D3, yêu cầu chuyển khoản cho S 6.500.000 đồng, trong đó: S đã nhận 26.500.000 đồng, L hưởng lợi 2.000.000 đồng.

- Chiếm đoạt 32.600.000 đồng của gia đình bà H6 (sinh năm 1979) đăng ký HKTT tại: B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông: Tháng 5/2022, L giới thiệu bà H6 cho S để làm GCNQSDĐ cho 02ha đất của gia đình bà H6 tại khu vực S thuộc B, xã Q, huyện Đ, trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày nhận tiền. Ngày 24/5/2022, bà H6 đưa cho Trần Thị L 20.000.000 đồng, L đã đưa lại cho S. Cùng ngày S thuê anh Lê Sĩ N thực hiện đo đạc đất nêu trên của bà H6. Ngày 21/7/2022, theo yêu cầu của S, bà H6 đã đưa thêm cho L 12.600.000 đồng, sau đó L chuyển 10.000.000 đồng cho S, giữ lại 2.600.000 đồng để hưởng chênh lệch. Tuy nhiên đến ngày 03/6/2023, L đã trả lại số tiền 32.600.000 đồng cho bà H6.

- Chiếm đoạt 17.000.000 đồng của bà H7, sinh năm 1968, đăng ký HKTT tại B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông: Tháng 5/2022, Trần Thị L giới thiệu bà H7 để nhờ S làm thủ tục cấp GCNQSDĐ đối với diện tích 3.000m² tại B N'ting, xã Q, đất của gia đình bà H7, trong thời hạn 02 tháng, S yêu cầu và được bà H7 đưa trước 17.000.000 đồng, ngày 12/5/2022, bà H7 đã đưa cho L tổng số tiền 17.000.000 đồng, L đã chuyển lại toàn bộ vào tài khoản ngân hàng của S.

- Chiếm đoạt 12.500.000 đồng của bà H8, sinh năm 1973, đăng ký HKTT tại thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông: Tháng 8/2022, L giới thiệu cho S nhận làm thủ tục trích lục thửa đất cho bà H8 đối với diện tích đất khoảng 2,5ha đất tại khu vực dốc Suối đá thuộc thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, với chi phí 15.000.000 đồng. Vì L còn nợ bà H8 5.000.000 đồng mượn vào ngày 28/8/2022 nên L đã trả cho bà H8 2.500.000 đồng bằng hình thức chuyển tiền cho S làm GCNQSDĐ. Ngày 30/8/2022, bà H8 đưa cho L 10.000.000 đồng, L chuyển cho S 7.000.000 đồng, L hưởng chênh lệch 500.000 đồng.

- Chiếm đoạt 100.000.000 đồng của anh Nguyễn Trọng T3, sinh năm 1995, trú tại thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông: Tháng 6/2022, L giới thiệu anh Nguyễn Trọng T3 để S nhận làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho diện tích khoảng 06ha đất tại thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Sau khi anh T3 đồng ý, L đưa ra giá 60.000.000 đồng/ha để hưởng chênh lệch. Ngày 11/6/2022, anh T3 đã đưa cho L 100.000.000 đồng, L chuyển khoản cho S 80.000.000 đồng, L giữ lại hưởng chênh lệch 20.000.000 đồng.

- Chiếm đoạt 110.000.000 đồng của ông Cao Bá C2, sinh năm 1988, trú tại thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông: Ngày 20/5/2022, L giới thiệu cho S làm thủ tục cấp 02 GCNQSDĐ đối với thửa đất có diện tích 200m² và 250m², địa chỉ tại xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, cho ông Cao Bá C2 trong thời hạn 2 tháng với giá 84.000.000 đồng, ông C2 đưa trước cho L 40.000.000 đồng, L đã chuyển lại toàn bộ cho S. Sau đó, ông C2 tiếp tục nhờ L làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho 02 thửa đất, có địa chỉ tại Bon N và B N'ting, xã Q, tỉnh Đắk Nông. Theo yêu cầu của L, ông C2 đã 03 lần chuyển tổng 70.000.000 đồng vào tài khoản của L và L đã chuyển 65.000.000 đồng vào tài khoản của S, L hưởng chênh lệch 5.000.000 đồng. Hết thời gian theo thỏa thuận, ông C2 không nhận được GCNQSDĐ nên yêu cầu L trả lại tiền. Ngày 13/10/2022, L chuyển tiền của L cho S 155.000.000 đồng, để S trả lại 110.000.000 đồng để trả lại cho ông C2.

- Chiếm đoạt 47.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn Ủ, sinh năm 1963, trú tại B N'ting, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông: Tháng 5/2022, L giới thiệu cho S nhận làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Văn Ủ đối với diện tích 2,5ha tại khu vực cầu B, thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông trong thời hạn 2 tháng. Từ tháng 6/2022 đến tháng 7/2022, theo yêu cầu của L, ông Ủ đã 02 lần đưa tổng số tiền 47.000.000 đồng cho L và L đã chuyển khoản toàn bộ số tiền vào tài khoản ngân hàng của S. Tháng 8/2022, đến thời hạn nhưng ông Ủ không nhận được GCNQSDĐ nên đã yêu cầu L, S trả lại tiền. S đã trả lại 20.000.000 đồng cho ông Ủ.

- Chiếm đoạt 25.000.000 đồng của vợ chồng ông Nguyễn Văn H9 (sinh năm 1988) bà Nguyễn Thị Bích N3 (sinh năm 1997) cùng đăng ký HKTT tại B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông): Tháng 8/2022 L giới thiệu vợ chồng ông Nguyễn Văn H9, bà Nguyễn Thị Bích N3 cho S để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ đối với 03 thửa đất địa chỉ tại B G'lê, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. S nói với L chi phí là 115.000.000 đồng, đưa trước 40.000.000 đồng; L nói với ông H9 chi phí là 120.000.000 đồng, hẹn 03 tháng hoàn thành xong thì ông H9 sẽ cho L 2.000.000 đồng/01 Giấy CNQSDĐ. Từ ngày 06/8/2022 đến ngày 10/8/2022, bà Nguyễn Thị Bích N3 đã 03 lần chuyển 25.000.000 đồng cho L và L đã chuyển toàn bộ vào tài khoản của S.

- Chiếm đoạt 15.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn C3, sinh năm 1988, đăng ký HKTT tại B G'lê, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông: Tháng 8/2022 L giới thiệu ông Nguyễn Văn C3 để S nhận làm thủ tục cấp GCNQSDĐ đối với diện tích 1,4ha, địa chỉ tại B G'lê, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. S đưa ra thông tin chi phí là 35.000.000 đồng; L thông tin lại với ông C3 chi phí là 40.000.000 đồng,

đưa trước 20.000.000 đồng, hẹn trong 03 tháng sẽ giao GCNQSDĐ. Ngày 11/8/2022, L nhận của ông C3 số tiền 15.000.000 đồng và đã chuyển lại toàn bộ cho S.

- Chiếm đoạt 15.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1982, trú tại thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông: Tháng 7/2022 L giới thiệu bà Nguyễn Thị T4 để S nhận làm GCNQSDĐ đối với diện tích 01ha tại khu vực dốc B thuộc xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, với chi phí là 35.000.000 đồng, đưa trước 15.000.000 đồng, hẹn 03 tháng sẽ giao GCNQSDĐ. Ngày 08/8/2022, bà T4 đã chuyển cho L 15.000.000 đồng, L đã chuyển 15.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng của S. Đến hạn, S không giao GCNQSDĐ nên bà Tươi đã yêu cầu trả lại tiền. S đã chuyển 15.000.000 để L trả Tươi.

- Chiếm đoạt 15.000.000 đồng của bà Nông Thùy Vân D4, sinh năm 1982, trú tại thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông: Ngày 08/6/2022, L giới thiệu bà Nông Thùy Vân D4 để S nhận làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho diện tích 1.000m² đất tại thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, trong thời hạn 60 ngày. Ngày 08/6/2022 và ngày 23/8/2022, bà D4 đã chuyển khoản và đưa tiền mặt cho L tổng số tiền 15.000.000 đồng và L đã chuyển hết cho S.

- Chiếm đoạt 40.000.000 đồng của bà Lê Thị Kim N4, sinh năm 1985, trú tại thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông: Tháng 6/2022 L giới thiệu bà Lê Thị Kim N4 để S nhận làm thủ tục cấp GCNQSDĐ đối với diện tích 05ha tại thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, với chi phí 40.000.000 đồng/ha, đưa trước 40.000.000 đồng, trong thời hạn 02 tháng. Bà N4 đã đưa 40.000.000 đồng cho L và L đã chuyển lại cho S.

- Chiếm đoạt 30.000.000 đồng của Trần Thị L khi nhận làm GCNQSDĐ của ông Trương Văn L2, sinh năm 1984, trú tại B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông: Do có mối quan hệ từ trước, tháng 5/2022 ông Trương Văn L2 thỏa thuận với L việc L tự bỏ tiền cá nhân để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho ông L2 đối với diện tích 05ha, địa chỉ tại B N'ting, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, thì ông L2 sẽ tặng cho L 01ha đất. Lành đã liên hệ để Bùi Văn S làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho ông L2 với chi phí 35.000.000 đồng/ha. Từ ngày 01/6/2022 đến ngày 04/8/2022, L đã 03 lần đưa trực tiếp và chuyển khoản cho S tổng số tiền 30.000.000 đồng (là tiền cá nhân của L) để làm GCNQSDĐ cho ông L2.

Tổng số tiền Bùi Văn S chiếm đoạt của 20 bị hại nêu trên là 1.090.300.000 đồng, trong đó S chiếm đoạt 1.059.200.000 đồng, L hưởng lợi trái phép là 25.100.000đồng.

2. Hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản do Bùi Văn S và Trần Thị L thực hiện:

Đến tháng 9/2022 những người nhờ S, L làm GCNQSDĐ nêu trên liên tục đòi S, L giao GCNQSDĐ nhưng không có. Vì vậy, L đã đến Bộ phận một cửa của UBND huyện Đ hỏi về quy trình cấp GCNQSDĐ và L biết được S không có thẩm quyền, không có khả năng làm các thủ tục cấp GCNQSDĐ cho người dân. Nhận thức được việc giới thiệu người dân cho S làm GCNQSDĐ là trái pháp luật, L đã

liên hệ với S để đòi lại tiền nhưng do S đã sử dụng cá nhân hết số tiền nhận của người dân không có khả năng trả lại, do đó S đã nhờ bố đẻ là ông Bùi Văn Q (sinh năm 1972, đăng ký HKTT tại B G'lê, xã Q) vay 144.500.000 đồng đưa cho L để L chuyển khoản lại cho S, S rút tiền mặt trả cho ông Nguyễn Văn Ủ 20.000.000 đồng, đưa cho L 60.000.000 đồng, L trả 15.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị T4, còn lại 45.000.000 đồng Lành trả khoản nợ vay trước đó (của riêng L) cho Nguyễn Anh V1 ở xã Q. L lấy tiền cá nhân để trả cho bà H6 32.000.000 đồng, ngày 13/10/2022 Lành vay của bà H'GLăng 155.000.000 đồng để L giao lại cho S, S đã sử dụng 110.000.000 trả cho ông Cao Bá C2.

Tuy nhiên do số tiền của người dân nhờ L chuyển cho S để làm GCNQSDĐ vượt quá khả năng tự hoàn trả, vì vậy L đã tiếp tục nhận tiền để giới thiệu những người dân khác cho S làm GCNQSDĐ để lấy số tiền này hoàn trả cho số tiền mà L và ông Bùi Văn Q đã vay mượn trước đó. Do vậy, L đã tiếp tục cùng S đưa ra thông tin gian dối để lừa chiếm đoạt tài sản như sau.

- Chiếm đoạt 48.200.000 đồng bà H5 (sinh năm 1976), ông K2 (Sinh năm 1992, cùng trú tại: B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông): Tháng 02/2023 S truy cập Internet lấy mẫu hình ảnh GCNQSDĐ rồi chỉnh sửa mang tên bà H2 gửi qua Zalo cho L để L đưa hình ảnh này cho bà H5, ông K2 xem và nếu tiếp tục nhờ L và S thực hiện tách thửa đất từ bà H10 ở Bon N xã Q, thì bà H5 phải đưa thêm 30.000.000 đồng, ông K2 phải đưa thêm 18.200.000 đồng, tin tưởng vào thông tin của L, S đưa ra bà H5, ông K2 đã đưa tiền cho L theo yêu cầu. Sau khi nhận tiền, L đã chuyển đến khoản đến tài khoản ngân hàng của S.

- Chiếm đoạt 71.000.000 đồng của bà H7 (sinh năm 1968, trú tại: B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông): Ngày 17, 20/3/2023 L tiếp tục 04 lần yêu cầu bà H7 đưa cho L 71.000.000 đồng để tiếp tục làm GCNQSDĐ đối với thửa đất ở Bon N, xã Q. Sau khi nhận được tiền, L đã chuyển hết cho S.

- Chiếm đoạt 32.500.000 đồng của bà H11 (sinh năm 1973, trú tại: thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông): Tháng 3/2023, L tiếp tục yêu cầu bà H11 đưa cho L 32.500.000 đồng, L chuyển cho S 31.000.000 đồng, L hưởng chênh lệch 1.500.000 đồng.

- Chiếm đoạt 163.000.000 đồng của anh Nguyễn Trọng T3, sinh năm 1995, trú tại thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông: Từ tháng 10/2022 đến tháng 4/2023, L đã tiếp tục 05 lần yêu cầu anh T3 đưa thêm 163.000.000 đồng để làm GCNQSDĐ. Lành chuyển 111.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của S, L giữ lại 52.000.000 đồng.

- Chiếm đoạt 57.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn H9 (sinh năm 1988) và bà Nguyễn Thị Bích N3 (sinh năm 1997, cùng trú tại B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông: Tháng 8/2022 L, S nhận làm thủ tục cấp GCNQSDĐ đối với 03 thửa đất địa chỉ tại B G'lê, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H9, bà Nguyễn Thị Bích N3, hoàn thành trong thời hạn 03 tháng. S nói với L chi phí là 115.000.000 đồng, đưa trước 40.000.000 đồng; L nói với ông H9 chi phí là 120.000.000 đồng, khi hoàn thành xong thì ông H9 sẽ cho Lành 2.000.000

đồng/01 Giấy CNQSDĐ và yêu cầu ông H9 đưa trước 57.000.000 đồng cho L và L đã chuyển lại cho S.

- Chiếm đoạt 20.000.000 đồng của bà Lê Thị Kim N4, sinh năm 1985, trú tại thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông: Tháng 3/2023 S, L tiếp tục yêu cầu bà N4 đưa thêm cho L 320.000.000 đồng để làm GCNQSDĐ, L đã chuyển 18.500.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của S, L giữ lại 1.500.000 đồng.

- Chiếm đoạt 50.000.000 đồng của ông Trương Văn L2, sinh năm 1984, trú tại Bon N'Doh, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông: Tháng 3/2023 S, L tiếp tục yêu cầu ông L2 đưa cho L tổng số tiền 50.000.000 đồng để được cấp GCNQSDĐ, sau khi nhận tiền L đã chuyển lại cho S.

- Bùi Văn S chiếm đoạt 14.000.000 đồng của Trần Thị L (trong quá trình Lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông Trương Văn L2): Ngày 26/4/2023, S1 đã truy cập Internet để làm giả 01 Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả của Bộ phận một cửa UBND huyện Đ, thể hiện nội dung đã tiếp nhận hồ sơ đăng ký và cấp GCNQSDĐ cho ông Trương Văn L2. S1 gửi hình ảnh Giấy tiếp nhận này cho L để yêu cầu ông L2 chuyển thêm tiền để thực hiện việc đóng thuế. Tuy nhiên L đã tự lấy tiền cá nhân đưa 14.000.000 đồng cho S1.

- Chiếm đoạt 15.000.000 đồng của bà Trần Thị L3, sinh năm 1976, trú tại thôn Q, xã Q, huyện Đ: Tháng 5/2023 S1, L nhận làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho bà Trần Thị L3, đối với diện tích 175m², địa chỉ tại thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, với thỏa thuận là 45.000.000 đồng, đưa trước 15.000.000 đồng, trong thời hạn 03 tháng sẽ hoàn thành việc cấp sổ. Để bà L3 tin tưởng, ngày 11/5/2023, L đã lập 01 Giấy ủy quyền với nội dung bà L3 ủy quyền cho Lãnh hỗ trợ pháp lý cấp quyền sử dụng đất. Ngày 12/5/2023, bà L3 đã chuyển cho L 15.000.000 đồng, L viết 01 giấy mượn tiền; cùng ngày L đã chuyển 15.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của S1 và S1 đã tiêu xài cá nhân hết.

- Chiếm đoạt 15.000.000 đồng của vợ chồng bà Trần Thị Phương T5 (sinh năm 1990) ông Phạm Văn T6 (sinh năm 1980), cùng trú tại thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông: Tháng 5/2023 L, S1 nhận làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho vợ chồng bà Trần Thị Phương T5, ông Phạm Văn T6, đối với thửa đất có diện tích 660m², địa chỉ tại thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, với chi phí 45.000.000 đồng, đưa trước 15.000.000 đồng, trong thời hạn 03 tháng sẽ hoàn thành xong việc cấp sổ. Để bà T5 và ông T6 tin tưởng, ngày 25/5/2023, L đã viết 01 giấy mượn số tiền 15.000.000 đồng. Ngày 26/5/2023, ông T6 đã chuyển cho L 15.000.000 đồng, L viết 01 giấy ủy quyền với nội dung Lãnh hỗ trợ toàn bộ thủ tục pháp lý cấp quyền sử dụng đất. Sau đó, L đã chuyển 15.000.000 đồng cho S1. Tổng số tiền do Trần Thị L giúp sức cho Bùi Văn S chiếm đoạt của 10 bị hại nêu trên là 471.700.000 đồng, trong đó L chiếm đoạt 55.000.000 đồng, S chiếm đoạt là 416.700.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số: 190 ngày 26/5/2023 của Phòng K3 Công an tỉnh Đ, đã kết luận: Chữ viết phần nội dung, chữ ký và chữ viết dưới mục người nhận tiền trên "01 Giấy nhận tiền đóng phí khai hoang chuyển thuế, đề ngày

21/07/2022, có nội dung Trần Thị L nhận tiền của gia đình bà H6 để làm sổ đỏ”, là do Trần Thị L ký, viết ra.

Tại Bản kết luận giám định số 105 ngày 02/02/2024 của Phòng K3 Công an tỉnh Đ, đã kết luận: Chữ viết phần nội dung và chữ ký trên các tài liệu cần giám định gồm: 01 Hợp đồng đặc cọc giữa Trần Thị L với ông Cao Bá C2; 03 giấy nhận tiền, ứng tiền giữa L với bà D4, bà Nguyễn Thị Bích N3, bà Lê Thị Kim N4; 01 Giấy ủy quyền và 01 Giấy mượn tiền giữa bà Trần Thị L3 với L; 01 giấy ủy quyền và 02 giấy mượn tiền giữa ông Phạm Văn T6 với L; 02 Giấy mượn tiền giữa L với bà H8; 01 Giấy thông kê nội dung chi tiền, là do Trần Thị L ký, viết ra. Chữ ký và chữ viết mang tên Trần Thị L dưới mục nhận tiền của G1 nhận tiền đề ngày 11/8/2022 thể hiện L nhận tiền của ông Nguyễn Văn C3, là do Trần Thị L ký, viết ra.

Tại Bản kết luận giám định số 123 ngày 21/02/2024 của Phòng K3 Công an tỉnh Đ, đã kết luận: Chữ viết và chữ ký trên các tài liệu: Hợp đồng ủy quyền giữa bà Vũ Thị L1 và Bùi Văn S, 02 Giấy cam kết giữa Bùi Văn S và ông Lưu Văn K, là do Bùi Văn S viết, ký ra. Chữ viết và chữ ký trên các tài liệu: Giấy nhận cọc làm sổ dịch vụ và giấy thỏa thuận hỗ trợ làm giấy tờ cấp quyền sử dụng đất giữa Trần Thị L và ông Nguyễn Trọng T3 là do Trần Thị L ký, viết ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2024/HS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã quyết định:

Tuyên bố các bị Bùi Văn S và Trần Thị L phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 56, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Bùi Văn S 15 năm tù. Tổng hợp Bản án hình sự sơ thẩm số Bản án số 115/2022/HSST ngày 05/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”; bị cáo phải chấp hành hình phạt của hai Bản án là 15 năm 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam (03/6/2023).

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản , khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Thị L 08 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án được khấu trừ vào thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (ngày 01/6/2023 đến ngày 22/8/2023).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo vụ án theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Bùi Văn S và Trần Thị L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Bùi Văn S và Trần Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân theo quy định của Luật tố tụng hình sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Bùi Văn S phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, bị cáo Trần Thị L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo S 15 năm tù, bị cáo L 08 năm tù là phù hợp. Tại phiên tòa, bị cáo L cam kết khắc phục thêm số tiền 10 triệu đồng nhưng bị hại không có mặt. Mặc dù bị cáo chưa thi hành được nhưng đây cũng là tình tiết mới; đồng thời cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo là phụ nữ, hiện đang nuôi 03 con nhỏ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo S; chấp nhận kháng cáo của bị cáo L, giảm cho bị cáo từ 06 tháng đến 01 năm tù.

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày: Bị cáo S có hoàn cảnh khó khăn, hiện tại chưa khắc phục được hậu quả nhưng cam kết sẽ tác động gia đình bồi thường. Bị cáo L nuôi 03 con nhỏ; tại phiên tòa có đem theo tiền để khắc phục 10 triệu đồng nhưng do không có mặt bị hại nên không thể thực hiện được, cam kết sẽ thi hành trách nhiệm về dân sự. Các bị cáo có nhận thức pháp luật còn hạn chế. Mức hình phạt Tòa sơ thẩm tuyên tương đối cao. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Bùi Văn S và Trần Thị L làm trong hạn luật định, hợp lệ về hình thức nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Nhận thấy nhiều hộ dân trên địa bàn huyện H, tỉnh Đắk Nông có nhu cầu làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Bùi Văn S sử dụng số điện thoại 0985725148 và 0352168384 mở tài khoản Zalo, tự tạo các tin nhắn liên quan đến việc làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gửi qua 02 tài khoản Zalo này để chứng minh với người dân về việc S đang liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; từ đó yêu cầu người dân chuyển tiền tạm ứng ban đầu. Sau khi nhận tiền tạm ứng, S thuê Lê Sĩ N là nhân viên Công ty TNHH MTV Đ thực hiện việc đo đạc diện tích đất, theo sự chỉ dẫn của S để tạo niềm tin cho người dân. Thực chất, không có việc S liên hệ để làm thủ tục như thông tin đã đưa ra. Từ tháng 5/2022 đến tháng 5/2023, Bùi Văn S đã thực hiện

hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 1.562.000.000 đồng của 24 bị hại. Trong đó, bị cáo Bùi Văn S thực hiện hành vi độc lập chiếm đoạt của 20 bị hại với số tiền 1.090.300.000 đồng, bị cáo S hưởng 1.059.200.000 đồng, bị cáo L hưởng 25.100.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo Trần Thị L tham gia giúp sức cho Bùi Văn S lừa đảo chiếm đoạt 471.700.000 đồng của 10 bị hại, trong đó S hưởng 416.7000 đồng, L hưởng 55.000.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Bùi Văn S phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, bị cáo Trần Thị L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2.2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với tình tiết tăng nặng “*phạm tội 02 lần trở lên*”. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt tương xứng để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá vai trò của từng bị cáo, xem xét cho các bị cáo đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội đã khắc phục cho bị hại một phần thiệt hại; bị cáo Trần Thị L được một số bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo S 15 năm tù, bị cáo L 08 năm tù là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo L có mang theo 10.000.000 đồng khắc phục hậu quả nhưng do không có bị hại tham gia phiên tòa nên không thực hiện được; bị cáo cam kết sẽ thi hành ngay. Ngoài ra, bị cáo trình bày thêm hiện đang nuôi 03 con nhỏ nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy đây là các tình tiết mới tại phiên tòa phúc thẩm. Mặt khác, bị cáo tham gia trong vụ án với vai trò hạn chế, xuất phát từ việc tin tưởng Bùi Văn S, S không có khả năng trả lại tiền cho 20 bị hại S đã lừa trong giai đoạn trước, L phải đứng ra trả nợ thay. Do số tiền chi trả vượt quá khả năng bị cáo L cùng S tiếp tục nhận tiền của những người khác để hoàn trả cho số tiền S đã chiếm đoạt trước đó. Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hoàn cảnh của bị cáo L, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo an tâm cải tạo tốt, trở thành công dân có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo Bùi Văn S, tại phiên tòa phúc thẩm không xuất trình thêm được tình tiết giảm nhẹ đặc biệt mới. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt bị cáo S; cần giữ nguyên mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo S.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Bùi Văn S phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Văn S.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị L.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2024/HS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông về hình phạt đối với bị cáo Trần Thị L.

Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn S và Trần Thị L phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

1/. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 56, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Bùi Văn S 15 (mười lăm) năm tù.

Tổng hợp Bản án hình sự sơ thẩm số Bản án số 115/2022/HSST ngày 05/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của hai bản án là 15 (mười lăm) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam (03/6/2023).

2/. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Trần Thị L 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án được khấu trừ vào thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (ngày 01/6/2023 đến ngày 22/8/2023).

3/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/. Bị cáo Bùi Văn S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

5/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Đắk Nông (3);
- VKSND tỉnh Đắk Nông (1);
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông (1);
- Công an tỉnh Đắk Nông (3);
- Trại Tạm giam – CA tỉnh Đắk Nông (2);
- Bị cáo (2);
- Lưu VP(3), HS(2). 20b.LTTT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Thủy

